

Số: 2027/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 13 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung
thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của UBND tỉnh về



việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thị xã Bình Long;

Căn cứ Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thị xã Bình Long;

Căn cứ Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thị xã Bình Long;

Căn cứ Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thị xã Bình Long;

Căn cứ Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thị xã Bình Long;

Căn cứ Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3881/TTr-SXD ngày 06/12/2023 (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 2865/BCTĐ-SXD ngày 14/9/2023); Ý kiến thống nhất của các Ủy viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước với nội dung cụ thể như sau:

1. Nội dung điều chỉnh:

- Điều chỉnh nối dài (mở mới) tuyến đường liên xã (đoạn từ đường ĐT.752 đến đường HC T22) có mặt cắt F2-F2, lộ giới 32m (mặt đường 18m, vỉa hè 7m x 2 bên).

- Điều chỉnh tuyến đường HC T22:

Từ: mặt cắt F1-F1, lộ giới 16,5 - 32m (mặt đường 12m, vỉa hè 5-10m x 2 bên), đoạn từ đường mở mới đến đường vành đai dự kiến và mặt cắt F-F, lộ giới 16,5 - 32m (mặt đường 6,5-12m, vỉa hè 5-10m x 2 bên), đoạn từ đường ĐT 752 đến đường TL.T5.

Thành: mặt cắt F2-F2, lộ giới 32m (mặt đường 18m, vỉa hè 7m x 2 bên).

- Điều chỉnh mặt cắt F1-F1 tuyến đường TP T2:

Từ: Điều chỉnh lộ giới 32m (mặt đường 12m vỉa hè 10m x 2 bên).

Thành: Mặt cắt F3-F3 lộ giới 32m (mặt đường 18m, vỉa hè 6m x 2 bên, dải phân cách 2m).

- Điều chỉnh mặt cắt C-C (đường ĐT.752, ĐT.757, ĐT.758).

Từ: Mặt cắt C-C, đường ĐT.752 (đoạn từ trường chuyên Bình Long đến ranh huyện Hớn Quản; đường ĐT.757; đường ĐT.758), từ lộ giới 32-42m (mặt đường 12m, vỉa hè 10-15m mỗi bên)

Thành: đường lộ giới 42m (mặt đường 18m, vỉa hè 11m x 2 bên, dải phân cách 2m).

- Điều chỉnh mặt cắt C.1-C.1, đường ĐT.752 (đoạn từ đường vành đai đô thị dự kiến đến trường chuyên Bình Long):

Từ: lộ giới 32-42m (mặt đường 12m, vỉa hè 10-15m mỗi bên)

Thành: đường lộ giới 42m (mặt đường 17,5m, vỉa hè 11,5m x 2 bên, dải phân cách 1,5m).

- Điều chỉnh mặt cắt 5-5.

+ Mặt cắt 5-5 (đường Nguyễn Thái Học): Từ “Lộ giới 30-32m (mặt đường 12-20m, vỉa hè 5-10m hai bên)” thành “Lộ giới 32m (mặt đường 18m, vỉa hè 6m x 2 bên, dải phân cách 2m)”.

+ Mặt cắt 5.1-5.1 (đường Phan Bội Châu, đoạn từ đường Nguyễn Du đến đường Trần Phú): Từ “Lộ giới 30-32m (mặt đường 12-20m, vỉa hè 5-10m hai bên)” thành “Lộ giới 30m (mặt đường 18m, vỉa hè 5,25m x 2 bên, dải phân cách 1,5m)”.

+ Mặt cắt 5.2-5.2 (đường Phan Bội Châu, đoạn từ đường Trần Phú đến đường vành đai đô thị dự kiến): Từ “Lộ giới 30-32m (mặt đường 12-20m, vỉa hè 5-10m hai bên)” thành “Lộ giới 32m (mặt đường 17,5m, vỉa hè 6,5m x 2 bên, dải phân cách 1,5m)”.

- Điều chỉnh hướng tuyến tìm đường quy hoạch Nguyễn Thái Học nối dài phù hợp tìm đường hiện trạng, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến đất người dân.

- Điều chỉnh nút giao đường đường PS.N5 - đường Ngô Quyền quy hoạch.

- Điều chỉnh đường Ngô Quyền:

Từ: Mặt cắt 9-9, lộ giới 20m (mặt đường 12m, vỉa hè 4m x 2).

Thành: Đường mặt cắt 9.1-9.1, lộ giới 20m (mặt đường 8m, vỉa hè 6m x 2 bên).

Bảng so sánh cơ cấu sử dụng đất

Danh mục chức năng sử dụng đất	Đã duyệt (theo Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh)		Điều chỉnh	
	Định hướng đến năm 2030		Định hướng đến năm 2030	
	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %
ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	1.950,61	100	1.979,93	100
I. Đất dân dụng đô thị	538,91	27,7	538,91	27,2
1. Đất các khu ở	313,76	16,1	313,76	15,8
2. Đất công cộng	47,94	2,5	47,94	2,4



3. Đất công viên cây xanh - Thể dục thể thao	33,21	1,7	33,21	1,7
4. Đất giao thông quảng trường	144	7,4	144	7,3
II. Đất ngoài dân dụng	1.411,70	72,3	1.441,02	72,8
1. Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	500	25,6	500	25,3
2. Đất khai thác khoáng sản	260,35	13,3	260,35	13,1
3. Đất giao thông đối ngoại	615,13	31,5	644,45	32,5
4. Đất tôn giáo tín ngưỡng	16,76	0,9	16,76	0,8
5. Đất an ninh quốc phòng	19,46	1	19,46	1
ĐẤT KHÁC	10.677,97		10.648,65	
1. Đất dự trữ phát triển đô thị	100		100	
2. Đất thủy lợi	4,46		4,46	
3. Đất nghĩa trang - nghĩa địa	41,69		41,69	
4. Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	208,88		208,88	
5. Đất dân cư nông thôn, sản xuất nông nghiệp	10.282,94		10.253,62	
6. Đất khác	40		40	
TỔNG	12628,58		1.2628,58	

Điều 2. Các nội dung không điều chỉnh vẫn thực hiện theo Quyết định Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 25/6/2015, Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 09/01/2018, Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 29/6/2018, Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 30/7/2018, Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 26/02/2021, Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh.

Điều 3. Giao cho UBND thị xã Bình Long tổ chức công bố nội dung điều chỉnh cục bộ nêu trên để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết, thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Công Thương; Chủ tịch UBND thị xã Bình Long và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP, P: KT;
- Lưu VT_(Ttrí-XD35).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền